

Số: 20/2026/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2.

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Thượng T và anh Dư Công Hà D1 – Chuyên viên Xử lý nợ.

- Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T2 – Trưởng phòng Xử lý nợ Auto.

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Thành D2 – Trưởng Bộ phận Xử lý nợ và anh Triệu Anh T3 – Chuyên viên Xử lý nợ.

*** Bị đơn:** Anh **Phạm Đức L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường M, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 16/01/2026, anh Phạm Đức L còn nợ ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M số tiền gốc và lãi là: **1.322.564.491 đồng** (*Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng*), theo Hợp đồng cho vay số LN2306069367659 ngày 27/6/2023, Hợp đồng cho vay số LN2306169468722 ngày 27/06/2023, Hợp đồng cho vay số LD2407102213 ngày 11/03/2024, Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-5479173, Hợp đồng thế chấp số LN2306069367659 ngày 27/6/2023, Hợp đồng Mua bán nợ số 35/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025, Hợp đồng chuyển nhượng số 36/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025. Trong đó:

- Nợ Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi là: **62.739.846 đồng** (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*). Trong đó, tiền gốc: 47.894.183 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi ba đồng*); lãi trong hạn: 582.442 (*Năm trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 14.189.978 đồng (*Mười bốn triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng*); lãi chậm trả: 73.243 đồng (*Bảy mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng*).

- Nợ Công ty Cổ phần M số tiền gốc và lãi là: **1.259.824.645 đồng** (*Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền gốc: 952.288.491 đồng (*Chín trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng*); lãi trong hạn: 11.066.387 đồng (*Mười một triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng*); lãi quá hạn: 295.078.130 đồng (*Hai trăm chín mươi năm triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm ba mươi đồng*); lãi chậm trả: 1.391.637 đồng (*Một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

Phương án trả nợ các đương sự thống nhất như sau:

Ngày 15/03/2026, anh Phạm Đức L trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là: 62.739.846 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*) cho Ngân hàng TMCP V và lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2026 theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 15/03/2026, anh Phạm Đức L trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là: 1.259.824.645 đồng (*Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng*) cho Công ty Cổ phần M và lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2026 theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp anh L vi phạm thỏa thuận thì Ngân hàng và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ3317N3267E1, số khung RRT27430DN1D00148, số máy D103850220807038327 biển kiểm soát 89H-036.56 thuộc quyền sử dụng của anh

Phạm Đức L theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 89001446 BKS 89H – 036.56 ngày 08/6/2023 tên chủ xe Phạm Đức L, địa chỉ tại Phố B, Bần Y, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (nay là TDP P, phường M, tỉnh Hưng Yên) để thu hồi khoản nợ.

Nếu tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh L phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn anh Phạm Đức L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 25.838.467 đồng (*Hai mươi năm triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng V (Nguyễn Thượng T nộp thay) số tiền 1.403.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm linh ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004002 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hưng Yên.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M (Nguyễn Thượng T nộp thay) số tiền 23.012.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, không trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004001 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hưng Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 2 – Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Hưng Yên;
- Lưu HS vụ án;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Tân Huyền